

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 01 - 2023
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thái Hoà, bà Lưu Thị Kim Thanh.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 404/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L - sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: Khu 7, thôn N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Đội 3, xóm P, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đinh Văn T - sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 7, thôn N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt, xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Đinh Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 03/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T tại thôn N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hoà hợp, anh T cứ uống rượu say về lại đánh chị. Từ tháng

10/2022, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đã đưa con chung là Đinh Tiến D về nhà bố mẹ đẻ chị ở đội 3, xóm P, xã T, thành phố V sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Tiến H - sinh ngày 02/01/2010 và Đinh Tiến D - sinh ngày 08/11/2012. Khi ly hôn, lúc đầu chị xin trực tiếp nuôi con chung là Đinh Tiến D còn để anh T trực tiếp nuôi con chung là Đinh Tiến H và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau đó, chị thay đổi quan điểm xin trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH MTV L & S Vina, thu nhập bình quân khoảng 9.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do bận đi làm, không có thời gian đến tham gia phiên tòa xét xử được nên chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

**Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đinh Văn T trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị L có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ anh. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Tiến H - sinh ngày 02/01/2010 và Đinh Tiến D - sinh ngày 08/11/2012. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị trực tiếp nuôi con chung là Đinh Tiến H còn để chị L trực tiếp nuôi con chung là Đinh Tiến D và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do gia đình anh theo đạo thiên chúa (là người công giáo) nên anh không đến Tòa án. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh như quan điểm anh đã trình bày ở trên, anh không thay đổi và bổ sung thêm gì khác.

**Tại bản tự khai của các con chung của vợ chồng chị L và anh T có quan điểm: Nếu bố mẹ ly hôn thì cả hai con chung của anh chị đều xin được ở với mẹ.*

**Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Bị đơn anh T đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án và chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị L được ly hôn anh Đinh Văn T.

+ Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng Đinh Tiến D - sinh ngày 08/11/2012 và anh Đinh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Tiến H - sinh ngày 02/01/2010 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng con chung.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị Đinh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn, giải quyết về việc nuôi con chung giữa chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Đinh Văn T cư trú tại xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh T và anh T trình bày không đến Tòa án, xin xét xử vắng mặt. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn T đang ký kết hôn ngày 03/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đó là cuộc hôn nhân tiến bộ và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T tại thôn N, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hoà hợp. Từ tháng 10/2022, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đã đưa con chung là Đinh Tiến D về nhà bố mẹ đẻ chị ở đội 3, xóm P, xã T, thành phố V sinh sống, vợ

chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn thì quan điểm của anh T cũng đồng ý nhưng anh T không đến Toà án để tham gia phiên hoà giải. Toà án xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng anh, chị thì xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T không được hạnh phúc, chị L đã bỏ đi. Như vậy, xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn anh Đinh Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Tiến H - sinh ngày 02/01/2010 và Đinh Tiến D - sinh ngày 08/11/2012. Khi ly hôn, quan điểm của chị L xin được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung và quan điểm của anh T đề nghị trực tiếp nuôi con chung là Đinh Tiến H còn để chị L trực tiếp nuôi con chung là Đinh Tiến D và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng hai bên nhận nuôi con là chính đáng nhưng cần xem xét đến điều kiện của các bên có đảm bảo quyền lợi của con khi nuôi dưỡng. Chị L là công nhân của Công ty TNHH MTV L & S Vina, thu nhập bình quân khoảng 9.000.000đồng /tháng; còn anh T là lao động tự do, qua xác minh thu nhập bình quân tại địa phương của lao động tự do là 300.000đ/ngày. Như vậy, cả chị L và anh T đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Mặt khác, xét về hiện tại cả chị L và anh T đều ở chung với bố, mẹ đẻ và chị L đang trực tiếp nuôi con chung là Đinh Tiến D, còn anh T đang trực tiếp nuôi con chung là Đinh Tiến H nên để tạo điều kiện cho con chung của anh chị phát triển toàn diện, không làm sáo trộn cuộc sống của các con chung cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Tiến D còn để anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Tiến H và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp gia đình*: Xét thấy chị L và anh T đều trình bày không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228, điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56; điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Đinh Thị L được ly hôn anh Đinh Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Đinh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Tiến D - sinh ngày 08/11/2012 và anh Đinh Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đinh Tiến H - sinh ngày 02/01/2010 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đinh Thị L và anh Đinh Văn T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp gia đình*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đinh Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009567 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Chị Đinh Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Việt Trì;
- Chi cục THADS thành phố Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thu Hiền